TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 09/2019/HNGĐ-PT Ngày 08-08-2019 V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Đức Quang
Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thu Hiền
Bà Nguyễn Thị Bích Đào

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thị Thúy Hạnh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Yến- Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử phúc thẩm vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 07/2019/TLPT-HNGĐ ngày 01/7/2019 do có kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Viết B đối với bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 02/2019/HNGĐ-ST ngày 14/5/2019 của TAND huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2019/QĐXX-PT ngày 19/7/2019 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Chị Lê Thị V, sinh ngày 22/10/1994

Nơi ĐKHKTT: Xóm T, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện cư trú tại: Số nhà 84, tổ 52, khu phố 4, phường T, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. ***Bị đơn***: Anh Nguyễn Viết B, sinh ngày 10/12/2016

Trú tại: Xóm T, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 02/2019/HNGĐ-ST ngày 14/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hà Tĩnh và các tài liệu có tại hồ sơ, vụ án có nội dung như sau:

Quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Lê Thị V trình bày: Chị và anh Nguyễn Viết B đăng ký kết hôn ngày 19/02/2016 tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Kết hôn tự nguyện. Sau một thời gian ngắn chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do sự thiếu quan tâm, chăm sóc của chồng,

đặc biệt là trong thời gian chị mang thai, thậm chí còn đánh đập chị. Chị và anh B nhiều lần ly thần rồi về đoàn tụ nhưng chung sống không hạnh phúc nên lại ly thân. Nhận thấy, tình cảm thật sự không còn, mâu thuẫn trầm trọng nên chị làm đơn yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Viết B.

Bị đơn anh Nguyễn Viết B trình bày thống nhất với chị V về thời gian kết hôn, thời gian ly thân và thừa nhận vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, bất hòa, tính tình không phù hợp. Quá trình giải quyết anh không đồng ý ly hôn nhưng tại phiên tòa sơ thẩm anh đồng ý ly hôn với chị Lê Thị V.

Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn trình bày thống nhất có 01 con chung: Nguyễn Thảo N, sinh ngày 17/12/2016. Cả hai đương sự đều có nguyện vọng được nuôi con chung. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ từ thời điểm ly hôn cho đến khi cháu N tròn 18 tuổi. Bị đơn không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con và không đồng ý cấp dưỡng nếu con chung được giao cho chị V nuôi.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu giải quyết.

Tại bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 02/2019/HNGD-ST ngày 14/5/2019 của TAND huyện C, tỉnh Hà Tĩnh đã quyết định:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 Luật HNGĐ 2014; Điều 468 Bộ luạt dân sự năm 2015; khoản 1, 5 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228 và Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 3, Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị V được ly hôn với anh Nguyễn Viết B.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thảo N, sinh ngày 17/12/2016 cho chị Lê Thị V trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu Nguyễn Thảo N thành niên hoặc đến khi có sự thay đổi về quyền nuôi con. Anh Nguyễn Viết B có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu N được sống chung với chị V và có quyền đi lại, thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn: Buộc anh Nguyễn Viết B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Thảo N, một tháng 1.000.000đ, phương thức cấp dưỡng hàng tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm

(ngày 14/5/2019) đến khi cháu N thành niên hoặc đến khi có sự thay đổi về quyền nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: HĐXX không xem xét.

Án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 24/5/2019 anh Nguyễn Viết B kháng cáo Bản án về phần con chung. Anh yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con, không yêu cầu chị V cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh sau khi nhận xét về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các bên đương sự đã đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Viết B. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 02/2019/HNGD-ST ngày 14/5/2019 của TAND huyện C, tỉnh Hà Tĩnh.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật và thụ lý giải quyết vụ án theo thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm đã xác định đúng, đầy đủ tư cách của những người tham gia tố tụng.

Tại phiên toà phúc thẩm chị Lê Thị V vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Viết B thấy rằng:

Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định "*Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của các con...*" Trong trường hợp này, chị V và anh B không thỏa thuận được người trực tiếp nuôi con, nên Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc người nào đảm bảo điều kiện chăm sóc con chung tốt hơn về vật chất và tinh thần để giao con chung cho người đó trực tiếp nuôi dưỡng.

[3] Xét điều kiện để trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của chị Lê Thị V và anh Nguyễn Viết B thì cả anh B và chị V đều đủ điều kiện để chăm

sóc cháu Nguyễn Thảo N. Tuy nhiên cháu Thảo N chưa đủ 36 tháng tuổi (tính đến thời điểm xét xử phúc thẩm). Khoản 3 Điều 81 Luật HNGĐ 2014, quy định *"Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con."*, từ khi sinh ra cho đến nay cháu N gắn bó với chị V nhiều hơn anh B. Bên cạnh đó, cháu N lại là con gái nên việc chăm sóc của người mẹ sẽ tốt hơn cho sự phát triển toàn diện của cháu. Nếu sau này, anh B có căn cứ chứng minh chị V không thực hiện tốt việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N hoặc bản thân chị V không đủ điều kiện chăm sóc cháu thì khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

[4] Về tiền cấp dưỡng nuôi con: Nuôi con là trách nhiệm, nghĩa vụ chung của cha, mẹ. Tại Điều 110 Luật HNGĐ 2014 quy định "*Cha mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên, con đã thành niên không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình trong trường hợp không sống chung với con hoặc sống chung với con nhưng vi phạm nghĩa vụ nuôi dưỡng con".* Như vậy, anh B không trực tiếp nuôi con thì phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Mức cấp dưỡng 1.000.000đ/tháng mà cấp sơ thẩm đã quyết định là phù hợp.

Từ những vấn đề đã phân tích, Hội đồng xét xử nhận thấy kháng cáo của anh Nguyễn Viết B là không có cơ sở chấp nhận.

[5] Về án phí: Người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Viết B. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số số 02/2019/HNGD-ST ngày 14/5/2019 của TAND huyện C, tỉnh Hà Tĩnh.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 Luật HNGĐ 2014; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1, 5 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 3, Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho nguyên đơn chị Lê Thị V được ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Viết B.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thảo N, sinh ngày 17/12/2016 cho chị Lê Thị V trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu Nguyễn Thảo N thành niên hoặc đến khi có sự thay đổi về quyền nuôi con. Anh Nguyễn Viết B có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu N được sống chung với chị V. Chị Lê Thị V và các thành viên gia đình không được cản trở anh Nguyễn Viết B trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục cháu N. Buộc anh Nguyễn Viết B có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung một tháng 1.000.000 đồng kể từ thời điểm Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu N thành niên (tròn 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi về quyền nuôi con.

3. Về án phí: Chị Lê Thị V phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, chị V được khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0004392 ngày 28/02/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C. Anh Nguyễn Viết B phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn phúc thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ, anh B được khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0004452 ngày 05/6/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Can L, nay anh B phải nộp tiếp 300.000 đồng.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh (2 bản);
- TAND huyện Can Lộc;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Đức Quang

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN**
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Bích Đào **Trần Thị Thu Hiền** **Hồ Đức Quang**

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- TAND TP Hà Tĩnh;
- Chi cục THA.DS TP Hà Tinh;;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA